

PHÁT NGÔN NGỮ CẢNH

NGUYỄN CHÍ HÒA

1. Các nhà khoa học nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt thường gọi loại phát ngôn đặt cấu trúc chúng chưa đủ tư cách là một câu, bởi vì các cụm từ cấu tạo nên chúng hoàn chỉnh về cấu trúc, đó mới chỉ là những ngữ, song nhờ có hình thức hoàn chỉnh một phát ngôn mà chúng được đặc cách hoạt động ngang hàng với câu" [1, 57] là câu liệt, câu dưới bậc. . .

Có hai khuynh hướng cơ bản khi giải quyết loại phát ngôn này:

- a) Có lập chúng với điều kiện tồn tại của chúng. Các tác giả đi theo khuynh hướng này là Lê Văn Lý, Nguyễn Kim Thán, Lê Xuân Thại, Hồ Lê. . . [2, 113-114].
- b) Nghiên cứu chúng trong mối quan hệ với các đơn vị đi trước và đi sau chúng. Đại cho khuynh hướng này là Trần Ngọc Thêm [1], Hồng Dân [2], Diệp Quang Ban [6].

2. Khi xem xét các văn bản hội thoại và nghiên cứu đặc trưng ngữ pháp của các phát ngôn ; khẩu ngữ, chúng tôi thấy rằng: Trong giao tiếp, đại đa số các phát ngôn thuộc loại "đặc biệt". Trước tình hình đó, chúng ta giải quyết như thế nào, nên hay không phân tích những cấu trúc không phải là câu?

Nếu không miêu tả các đơn vị "không phải là câu" thì hiện tượng đã bị bóp méo. Bởi vì vậy có thể nhất trí với ý kiến cho rằng: "Thừa nhận sự tồn tại khách quan của đặc biệt trong tiếng Việt, đó là một thái độ thực sự cầu thị" [2, 113]. Song để hiểu đầy đủ bản chất của loại phát ngôn này hoàn toàn không dễ dàng. Dưới đây là một lý giải của chúng tôi về những đơn vị đặc biệt đó

3. Xét đoạn đối thoại sau đây: (I)

- Dừng làm thế San ơi!
- Một tí thôi.
- Không được đâu. . . Trời ơi. Mẹ em biết thì chết. . . Thế thôi. . . Dừng. . .

em giết chết. (VNQD 1, 89)

Đoạn đối thoại trên đây chỉ được hiểu trong tình huống giao tiếp cụ thể của nó, cho "Cú pháp học phải nghiên cứu cả bối cảnh giao tiếp xem như là môi trường, phương tiện tồn tại của phát ngôn" [3, 11].

Nếu chúng ta tách phát ngôn B ra khỏi phát ngôn A dưới đây thì phát ngôn B sẽ khó hiểu một cách đáng đản (II) A: Ai đi Hà Nội ? B: Tôi //. Như vậy phát ngôn B phụ thuộc vào phát ngôn đi ngay liền trước nó. Chúng ta sẽ không hiểu được một cách đầy đủ

phát ngôn: "Như điện giật" trong trường hợp tách nó khỏi đoạn đối thoại dưới đây:

(III) - Hôn nhau chưa ?

- Rồi

- Cảm thấy thế nào ?

- Như điện giật (VNQĐ)

Như thế, hiểu "Như điện giật" là một ngữ trực thuộc là hoàn toàn đúng đắn. Tuy nhiên, trong giao tiếp khẩu ngữ phát ngôn với tư cách là một lời độc thoại thì chúng ta có thể được hiểu một cách hoàn toàn đúng đắn nếu tách ra khỏi bối cảnh giao tiếp:

(IV) "Truyền lên /tắt ngay/ thám báo phục kích hai bên đường"//

(VNQĐ 2, 39)

Trong phát ngôn này ngữ trị của động từ "tắt" không được hiện thực hóa bằng đơn vị ngôn ngữ. Có thể coi đây là một câu không rõ nghĩa, chúng chỉ có thể được hiểu trong môi trường xung quanh mà con người có hoạt động trao đổi, nghĩa là các yếu tố phi ngôn ngữ. Hoàn cảnh giao tiếp trong phát ngôn trên là: Bộ đội hành quân, tiếng lòi của ai kêu to - cái thông tin cũ mà người nói cho rằng người đối thoại đã hiểu là Radiô đã phát thanh. Do vậy phát ngôn trên được hiểu một cách đầy đủ là: "Truyền lên /tắt ngay vì thám báo phục kích hai bên đường" như vậy "môi trường" có thể được tạo ra bằng con đường ngôn ngữ học và cũng có thể được tạo nên bằng con đường phi ngôn ngữ học.

4. Nhìn nhận các phát ngôn kiểu trên, chúng ta dễ thấy chúng có một số đặc trưng.

a) Không phải tất cả các ý nghĩa muốn truyền đạt đều được người nói thể hiện trong phát ngôn:

- Hôn nhau chưa ? - Chúng mày hôn nhau chưa ?

- Rồi - Chúng em hôn nhau rồi.

b) Ý nghĩa không được biểu đạt cần thiết cho mục đích trao đổi. Trong các ví dụ trên người nói và người nghe đã đoán định trước được nội dung của các đơn vị không được biểu đạt: "Như điện giật" - "Hôn nhau như điện giật".

c) Những thành tố được biểu đạt bằng ngữ trị của mình chỉ ra vị trí không được biểu đạt. Chẳng hạn, động từ "Tắt" ở ví dụ (IV) có ngữ trị: Ai tắt ? tắt cái gì ?. Nó có phép giả định có vị trí không được biểu đạt.

d) Ý nghĩa từ vựng ngữ nghĩa của đơn vị không được biểu đạt được xác định bằng bối cảnh giao tiếp hay bằng ngôn cảnh. "Tôi" trong ví dụ (II) được xác định bằng con đường ngôn ngữ học tức là bằng "âm thanh đã bay vào không khí"; còn "Ta đài" được xác định bằng con đường phi ngôn ngữ học - bằng bối cảnh giao tiếp.

Với những đặc điểm nói trên có thể coi các phát ngôn này là các phát ngôn ngữ cảnh thay vì gọi chúng là "Câu đặc biệt" "Câu dưới bậc"...

Thông thường các tác giả đã căn cứ vào đặc trưng cấu trúc của các phát ngôn ngữ cảnh để quy loại chúng. Đó là một hướng đi chặt chẽ. Tuy nhiên theo ý kiến chúng tôi trước hết nên căn cứ vào ngữ cảnh để phân loại các phát ngôn này.

Từ đây đặt ra vấn đề: Ngữ cảnh là gì? Bản chất và chức năng của nó? Thực ra vấn đề ngữ cảnh không phải là vấn đề gì mới mẻ, nhưng lại là vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau. Trong một vài công trình, ngữ cảnh được coi là khái niệm có quan hệ trực tiếp đến lĩnh vực giao tiếp của lời nói: Chẳng hạn POTEVNI coi ngữ cảnh là khái niệm của cú pháp ngữ nghĩa, khái niệm đặc trưng của lời nói đối lập với ngôn ngữ. Trong công trình của RIEMPHOMATXKI đã định nghĩa: Ngữ cảnh là lĩnh vực sử dụng từ, lĩnh vực lời nói xác định rằng: Phạm vi tồn tại của nó là ở trong hệ thống ngôn ngữ [4, 147]. Song ý kiến của các tác giả khác thì bản chất của ngữ cảnh phức tạp hơn: V. I. UKHOV cho rằng một mặt ngữ cảnh tồn tại như một đơn vị ngôn ngữ và một mặt nó tồn tại như một mảng ngoài ngôn ngữ [5, 8]; Cũng theo ông, ngữ cảnh cụ thể hóa bản năng của hệ thống ngôn ngữ. Đó là bản chất của ngữ cảnh. Như thế ngữ cảnh có thể hợp từ, câu, văn bản... và bối cảnh.

Một cách chung nhất có thể hiểu ngữ cảnh là một thực thể vật chất. Nó là toàn bộ diện quy định nội dung của các đơn vị ngôn ngữ, nó có khả năng liên kết các đơn vị ngôn ngữ tạo điều kiện cho việc xuất hiện và sử dụng chúng, nghĩa là thực hiện chức năng hiện thực hóa các đơn vị. Mặt khác, ngữ cảnh còn là một mảng hiện thực khách quan. Nó cho phép truyền đạt các thông tin ngoài ngôn ngữ.

Từ đó có thể phân biệt ba loại ngữ cảnh

1. Ngữ cảnh với tư cách là đơn vị ngôn ngữ cho phép xác định ý nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ gọi là ngôn cảnh.
 2. Ngữ cảnh với tư cách là một mảng của hiện thực khách quan ngoài ngôn ngữ tạo điều kiện cho việc xuất hiện phát ngôn và xác định ý nghĩa của chúng. Chúng ta là bối cảnh.
 3. Ngữ cảnh với tư cách là những tri thức riêng của những người đối thoại, chúng ta là ngữ cảnh riêng. Từ những hiểu biết trên đây về ngữ cảnh có thể đi tới hướng phân loại các phát ngôn ngữ cảnh. Trước hết có thể chia thành 3 loại phát ngôn:
 - 1 - Phát ngôn ngôn cảnh - kiểu ví dụ (II)
 - 2 - Phát ngôn bối cảnh - Kiểu ví dụ (IV)
 - 3 - Phát ngôn ngữ cảnh riêng - Kiểu ví dụ (I)
- Để cho việc phân loại theo cấu trúc chức năng trong giai đoạn trước đây.

CHÚ THÍCH

1. Trần Ngọc Thêm. Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt. HN. 1985.
2. Hồng Dân. Trở lại vấn đề câu đặc biệt trong tiếng Việt. Trong quyển: Những bài ngôn ngữ học về các ngôn ngữ phương Đông H. 1986.
3. Hoàng Trọng Phiến. Ngữ pháp tiếng Việt. câu. H. 1980.
4. RIEMPHOMATXKI. Dẫn luận ngôn ngữ học M. 1967 (Bản tiếng Nga)
5. V. I. KODUKHOV: Ngữ cảnh như một khái niệm ngôn ngữ. Trong quyển "Ngôn ngữ đơn vị ngôn ngữ và ngữ cảnh". Đại học Tổng hợp Quốc gia LENINGRAT, (Bản tiếng Nga).
6. Diệp Quang Ban. Ngữ pháp tiếng Việt phổ thông. H. 1989.